TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Lưu Minh Sửu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Hồng T1 , sinh năm 1979, địa chỉ: Xóm 4 thôn M, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lưu Thị L , sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Ngô Hồng T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T1 và chị L qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và làm đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vào ngày 25/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hơn một năm trong Đồng Nai, đến khi chị L có thai, thì chị L về Xuân Bái sinh sống, còn anh về Hà Nam, thi thoảng chị L có ra Hà Nam sinh sống thời gian rồi lại về Xuân Bái. Vợ chồng thi thoảng mới gọi điện cho nhau một vài lần, nên tình cảm ngày càng phai nhạt dần, mà không ai có ý đoàn tụ với nhau. Từ năm 2008 vợ chồng đã ly thân đến nay. Nay anh xác định hôn nhân giữa vợ chồng không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: anh T1 xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Ngô Thị Như Th , sinh ngày 16/11/2006 (theo đăng ký khai sinh ban đầu), sau đó chị L khai sinh lại là Ngô Lưu Vân A . Hiện tại con đang ở với chị L . Quan điểm của anh T1 là đề nghị giải quyết cho chị L được trực tiếp nuôi con, còn anh tự nguyện đóng góp nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản và công nợ: anh T1 xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lưu Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2020 cháu Ngô Lưu Vân A trình bày: cháu là con gái của bố T1 , mẹ L . Từ khi sinh ra đến nay cháu ở cùng với mẹ và ông bà ngoại. Nay bố me ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin được ở với mẹ để thuận tiện cho việc học tập.

Tại biên bản xác minh lập ngày 10/12/2020 ông Lưu Bá Tính và bà Lương Thị Minh (là bố, mẹ đẻ chị Lưu Thị L) cho biết: Chị Lưu Thị L đi làm ăn ở miền Nam rồi gặp anh Ngô Hồng T1 , hai anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau trong huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Vào năm 2008 giữa chị L và gia đình chồng (gia đình anh T1) xảy ra mâu thuẫn, nên chị L phải bế con về sinh sống cùng ông bà từ năm 2008 đến nay; anh T1 không vào thăm con và cũng không chu cấp tiền hỗ trợ chị L nuôi con. Chị L hiện đi làm công ty ở Hưng Yên thi thoảng mới về nhà; vì điều kiện công việc bận rộn không được nghỉ nên chị L không về làm việc tại Tòa án được. Qua nói chuyện với ông bà thì nguyện vọng của chị L là muốn được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T1 có trách nhiệm hỗ trợ chị nuôi con.

Tại biên bản xác minh lập ngày 10/12/2020 đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Anh Ngô Hồng T1 và chị Lưu Thị L có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Qúa trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Thị Như Th , sinh ngày 16/11/2006 (theo đăng ký khai sinh ban đầu), sau đó đến năm 2008 gia đình đã thay đổi cải chính, bổ sung hộ tịch thành Ngô Lưu Vân A ; hiện nay cháu Vân A đang ở với ông bà ngoại, còn chị L đi làm công ty thi thoảng mới về thăm gia đình. Qúa trình chị L sinh sống tại địa phương không thấy anh T1 về chung sống cùng chị L , mà chị L cùng con gái sống với bố mẹ đẻ tại địa phương từ năm 2006 đến nay. Về mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng thì địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: xử cho anh Ngô Hồng T1 được ly hôn với chị Lưu Thị L . Về con chung: giao cháu Ngô Lưu Vân A cho chị Lưu Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Về tài sản và công nợ: không xem xét. Về án phí: anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Hồng T1 khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Lưu Thị L , cư trú tại: Thôn Quyết Thắng 1, xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Lưu Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Hồng T1 và chị Lưu Thị L tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/11/2005, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, về nơi ở và công việc của hai bên vợ chồng. Từ năm 2008 vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại quan tâm tình cảm với nhau. Nay anh T1 một mực đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn; chị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, điều đó thể hiện chị L không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng

xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh T1 , xử cho anh Ngô Hồng T1 được ly hôn với chị Lưu Thị L .

[3] Về con chung: Anh Ngô Hồng T1 và chị Lưu Thị L có 01 (một) con chung là cháu Ngô Lưu Vân A , sinh ngày 16/11/2006.

Xét: cháu Vân A là con chung của vợ chồng hiện đang ở ổn định với chị L , được chị L và bố mẹ đẻ chị L chăm sóc, nuôi dưỡng từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay; Qúa trình giải quyết vụ án anh T1 cũng có quan điểm là đồng ý để con cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Vân A có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị L). Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với nguyện vọng của con, tránh không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của con, cần thiết phải giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Xét mặc dù chị L không có ý kiến về cấp dưỡng, nhưng anh T1 có ý kiến xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi, nhu cầu thiết yếu của con, cần ghi nhận sự tự nguyện của anh T1 .

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh T1 xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn chị L không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Ngô Hồng T1 được ly hôn với chị Lưu Thị L .

2. Về con chung: Anh Ngô Hồng T1 và chị Lưu Thị L có 01 (một) con chung là cháu Ngô Lưu Vân A , sinh ngày 16/11/2006 (hiện đang ở với chị L).

Giao cháu Ngô Lưu Vân A cho chị Lưu Thị L được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng. Anh Ngô Hồng T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 03 năm 2021 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Ngô Hồng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Ngô Hồng T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T1 đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006194 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy anh Ngô Hồng T1 còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến